

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2025/DSST

Ngày: 20/05/2025.

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Duy Mạnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Bà Võ Thị Lệ.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trịnh Hồ Hải Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Ông Trần Huỳnh Đức Lập - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2025/TLST-DS ngày 27/02/2025 về tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2025/QĐXXST-DS ngày 21/04/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 104/2025/QĐST-DS ngày 28/04/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Ngọc H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp 8, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trương Minh T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(*Có mặt bà H, ông T*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Ngọc H trình bày:***

Do có mối quen biết, ngày 17/06/2024, bà Phạm Ngọc H có cho ông Trương Minh T vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, bà H đã giao tiền đầy đủ

tiền cho ông T; ông T có tự tay viết *Giấy tay về việc vay tiền ngày 17/06/2024* để làm căn cứ giải quyết khi xảy ra tranh chấp; các bên thỏa thuận khi nào bà H cần tiền thì bà H có quyền yêu cầu ông T trả bất cứ lúc nào.

Do hoàn cảnh khó khăn, bà H có yêu cầu ông T trả tiền vốn gốc và lãi nhiều lần nhưng ông T không chịu trả cho bà H.

Nay bà H yêu cầu ông T trả cho bà H số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/06/2024 đến ngày 20/05/2025 là 36.000.000 đồng. Tổng cộng, bà H yêu cầu ông T trả số tiền 136.000.000 đồng.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Trương Minh T trình bày:***

Do chỗ quen biết, trước đây, bà H có cho ông T vay tiền nhiều lần với lãi suất 08%/tháng; sau đó, ông T đã trả hết nợ cho bà H.

Ngày 06/11/2023, ông T vay bà H số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 05%/tháng, bà H đã giao tiền cho ông T; sau đó ông T vay thêm các lần tiền 20.000.000 đồng, 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng.

Đến ngày 17/06/2024, ông T và bà H thống nhất: ông T nợ bà H số tiền 100.000.000 đồng và ông T có viết *Giấy tay về vay tiền ngày 17/06/2024* để làm căn cứ giải quyết khi xảy ra tranh chấp. Hiện nay, ông T thống nhất còn nợ bà H số tiền 100.000.000 đồng.

Nay với yêu cầu khởi kiện, ông T đồng ý trả cho bà H số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về phương thức trả tiền: ông T xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

**** Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:***

- *Về thời hiệu, thẩm quyền và tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án theo đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 BLTTDS và Nghị quyết 01/2017 ngày 13/01/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Việc chấp hành của nguyên đơn, bị đơn thực hiện theo đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị:

+ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc H về việc yêu cầu ông Trương Minh T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 17.574.000 đồng.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc H về việc yêu cầu ông Trương Minh T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 118.426.000 đồng.

+ Buộc ông Trương Minh T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Ngọc H số tiền 118.426.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Phạm Ngọc H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông buộc bị đơn Trương Minh T trả lại tiền từ việc vay tiền; do đó, quan hệ tranh chấp trong trường hợp này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; ngoài ra, bị đơn Trương Minh T có nơi cư trú tại: ấp 2, xã, huyện G, Tiền Giang nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số vốn gốc là 100.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào bản gốc giấy vay về việc cho vay tiền ghi ngày 17/06/2024; căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho thấy có đủ căn cứ xác định: Ngày 17 tháng 06 năm 2024, ông Trương Minh T có vay của bà Phạm Ngọc H số tiền 100.000.000 đồng là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T thừa nhận còn nợ bà H số tiền 100.000.000 đồng và có ký tên vào *Giấy tay về vay tiền ngày 17/06/2024*; xét thấy, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T thừa nhận bà H có yêu cầu ông trả tiền nhiều lần nhưng ông T chưa có khả năng nên dẫn đến việc chậm trễ trả tiền; do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về lãi suất:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông T đều thừa nhận lãi suất trong việc cho vay là 03%; xét thấy, thỏa thuận lãi suất giữa bà H và ông T đã vi phạm quy định về mức lãi suất khi cho vay theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, lãi suất mà ông T có nghĩa vụ phải chịu đối với khoản tiền đã vay là 1.66%/tháng.

Tiền lãi mà ông T có trách nhiệm trả cho bà trong hợp đồng vay tiền này (Từ ngày 17/06/2024 đến ngày 20/05/2025) được tính như sau: $(11 \text{ tháng} \times (1.66\% \times 100.000.000 \text{ đồng})) + [((100.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%)/30) \times 03 \text{ ngày}] = 18.426.000 \text{ đồng}$ (Đã làm tròn).

Tổng số tiền mà ông T có nghĩa vụ trả cho bà H: $100.000.000 \text{ đồng} + 18.426.000 \text{ đồng} = 118.426.000 \text{ đồng}$.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc H chỉ có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[4] Về phương thức thanh toán: Tại phiên tòa, ông T xin Hội đồng xét xử cho ông T trả tiền làm 01 lần nhưng bà H không đồng ý; xét việc ông T xin trả tiền nhiều lần sẽ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H nên ông T có trách nhiệm trả tiền cho bà H làm một lần.

[5] Về án phí: Ông Trương Minh T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử:

- *Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc H về việc yêu cầu ông Trương Minh T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 17.574.000 đồng.*

- *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc H về việc yêu cầu ông Trương Minh T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 118.426.000 đồng.*

Ông Trương Minh T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Ngọc H số tiền 118.426.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí:

- Ông Trương Minh T có nghĩa vụ chịu 5.921.000 đồng (*Năm triệu, chín trăm hai mươi một nghìn*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Ngọc H phải chịu 879.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng 3.025.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 0013966 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, hoàn lại bà H 2.146.000 đồng (*Hai triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

3/ Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Ngọc H, ông Trương Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Duy Mạnh